**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

–––––––––––––––

1. **Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

| **STT** | **Mã TTHC** | **Lĩnh vực/Thủ tục hành chính** | **Cơ chế giải quyết** | **Thời hạn giải quyết** | | **Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)** | | **Phí, lệ phí** | **Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích** | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Theo quy định | Sau cắt giảm |  | Các đơn vị liên quan |  | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả |  |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* |
| 1 | 1.000703 | Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 05 ngày  làm việc | 05 ngày làm việc | 05 ngày  làm việc | - | - | x | x |  |
| 2 | 2.002286 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 05 ngày làm việc | 05 ngày làm việc | 05 ngày làm việc | - | - | x | x |  |
| 3 | 2.002287 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 03 ngày làm việc | 03 ngày làm việc | 03 ngày làm việc | - | - | x | x |  |
| 4 | 2.002285 | Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 05 ngày làm việc | 05 ngày làm việc | 05 ngày làm việc | - | - | x | x |  |
| 5 | 1.010707 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | - | - | x | x |  |
| 6 | 1.002046 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | - | - | x | x |  |
| 7 | 1.002286 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | - | - | x | x |  |
| 8 | 1.001737 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | - | - | x | x |  |
| 9 | 1.002063 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | - | - | x | x |  |
| 10 | 1.001577 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia | Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công của Bộ GTVT | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | 02 ngày làm việc | - | - | x | x |  |

**2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ**  **TTHC** | **Tên thủ tục hành chính**  **bị thay thế** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Tên VBQPPL quy định**  **nội dung thay thế** | **Cơ quan**  **thực hiện** |
| **1** | 2.002288 | Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công- ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) | Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải | Nghị định số 158/2024/NĐ- CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ | Sở Giao thông vận tải |
| 2.002289 | Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công- ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) |
| **2** | 1.002877 | Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia |  |  |
| 1.002869 | Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia |  |  |
| **3** | 1.001023 | Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và  Campuchia | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia |  |  |
| 1.010711 | Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và  Campuchia |  |  |
| **4** | 1.002268 | Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia | Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia |  |  |
| 1.010709 | Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia |  |  |
| **5** | 1.002861 | Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào | Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào |  |  |
| 1.002859 | Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào |  |  |
| **6** | 1.002856 | Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào | Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào |  |  |
| 1.002852 | Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào |  |  |

**3. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ** | **Cơ quan thực hiện** |
| **1** | 1.010709 | Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia | Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ | Sở Giao thông vận tải |
| **2** | 1.010710 | Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia | Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ | Sở Giao thông vận tải |

# Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

* + 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

1. Giải quyết TTHC:

* Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.
* Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc Cổng thông tin doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.
* Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

* + 1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu;
* Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;
* Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;
* Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định giao nhiệm vụ đối với người điều hành vận tải.

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
    1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.
    1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe

bốn bánh có gắn động cơ.

* + - * Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki- lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki- lô-mét trở xuống.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kề chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng theo khoản 11 Điều 56 Luật Đường bộ và có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản

của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp

tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:**

................

Số: ............. /..............

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..........., ngày...... tháng..... năm.....*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI**

**BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

Kính gửi: Sở GTVT............................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:...........................................................................
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................................
3. Địa chỉ trụ sở:......................................................................................................
4. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số: ;

Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ

kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”.

1. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ,

chuyên ngành đào tạo).

1. Người đại diện theo pháp luật:
2. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe…(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
3. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
   * ...................................................................................................................
   * ...................................................................................................................
4. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

* + Đơn vị đạt hạng: …. (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

1. Màu sơn đặc trưng của xe buýt: (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị

cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

***Nơi nhận:***

* Như trên;
* Lưu .

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên

hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN**

**BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI**  **BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**  Số:......................Cấp lần thứ:............  (Cấp lần đầu: Số…..ngày/tháng/năm.......nơi cấp… )   * Cấp cho đơn vị:………………………................................................ * Địa chỉ:................................................................................................. * Số điện thoại:........................................................................................ * Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ……...ngày…..tháng…..năm…..cơ quan cấp …………………………. * Người đại diện theo pháp luật:……………………………………….. * Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bẳng xe bốn bánh có gắn động cơ * ...................................................................................................................... * ...................................................................................................................... * ...................................................................................................................... | | |
| **QR code** | | *……., ngày/tháng/năm…* **Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)** |

**Hướng dẫn:** Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

* + Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
  + Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng "GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE

BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

* + Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

# Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi

* + 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

1. Giải quyết TTHC:

* Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.
* Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc Cổng thông tin doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.
* Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

* + 1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* *Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh*
* Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo

mẫu;

* Tài liệu chứng minh, sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 1 (trừ điểm đ, điểm e) Điều 19 của Nghị định số

158/2024/NĐ-CP (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

* *Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi*
* Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu;
* Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;
* Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;
* Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định giao nhiệm vụ đối với người điều hành vận tải;
* Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định tại điểm a, điểm

d khoản 6 Điều 21 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
    1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.
    1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe

bốn bánh có gắn động cơ.

* + - * Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki- lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki- lô-mét trở xuống.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kề chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng theo khoản 11 Điều 56 Luật Đường bộ và có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:**

................

Số: ............. /..............

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..........., ngày...... tháng..... năm.....*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI**

**BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

Kính gửi: Sở GTVT............................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:...........................................................................
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................................
3. Địa chỉ trụ sở:......................................................................................................
4. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số: ;

Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ

kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”.

1. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ,

chuyên ngành đào tạo).

1. Người đại diện theo pháp luật:
2. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe…(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
3. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
   * ...................................................................................................................
   * ...................................................................................................................
4. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

* + Đơn vị đạt hạng: …. (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

1. Màu sơn đặc trưng của xe buýt: (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị

cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

***Nơi nhận:***

* Như trên;
* Lưu .

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên

hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN**

**BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI**  **BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**  Số:......................Cấp lần thứ:............  (Cấp lần đầu: Số…..ngày/tháng/năm.......nơi cấp… )   * Cấp cho đơn vị:………………………................................................ * Địa chỉ:................................................................................................. * Số điện thoại:........................................................................................ * Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ……...ngày…..tháng…..năm…..cơ quan cấp …………………………. * Người đại diện theo pháp luật:……………………………………….. * Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bẳng xe bốn bánh có gắn động cơ * ...................................................................................................................... * ...................................................................................................................... * ...................................................................................................................... | | |
| **QR code** | | *……., ngày/tháng/năm…* **Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)** |

**Hướng dẫn:** Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

* + Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
  + Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng "GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE

BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

* + Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.
  1. **Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có**

**gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng**

* + 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

1. Giải quyết TTHC:

* Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.
* Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc Cổng thông tin doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.
* Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

* + 1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu.

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
    1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.
    1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe

bốn bánh có gắn động cơ.

* + - * Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki- lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki- lô-mét trở xuống.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kề chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng theo khoản 11 Điều 56 Luật Đường bộ và có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

* + - * Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:**

................

Số: ............. /..............

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..........., ngày...... tháng..... năm.....*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI**

**BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

Kính gửi: Sở GTVT............................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:...........................................................................
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................................
3. Địa chỉ trụ sở:......................................................................................................
4. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số: ;

Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ

kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”.

1. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ,

chuyên ngành đào tạo).

1. Người đại diện theo pháp luật:
2. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe…(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
3. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
   * ...................................................................................................................
   * ...................................................................................................................
4. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

* + Đơn vị đạt hạng: …. (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

1. Màu sơn đặc trưng của xe buýt: (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị

cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

***Nơi nhận:***

* Như trên;
* Lưu .

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên

hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN**

**BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI**  **BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**  Số:......................Cấp lần thứ:............  (Cấp lần đầu: Số…..ngày/tháng/năm.......nơi cấp… )   * Cấp cho đơn vị:………………………................................................ * Địa chỉ:................................................................................................. * Số điện thoại:........................................................................................ * Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ……...ngày…..tháng…..năm…..cơ quan cấp …………………………. * Người đại diện theo pháp luật:……………………………………….. * Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bẳng xe bốn bánh có gắn động cơ * ...................................................................................................................... * ...................................................................................................................... * ...................................................................................................................... | | |
| **QR code** | | *……., ngày/tháng/năm…* **Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)** |

**Hướng dẫn:** Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

* + Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
  + Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng "GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE

BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

* + Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

# Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định

* + 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến về Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

1. Giải quyết TTHC:

* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh vận tải.
* Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, đơn vị kinh doanh vận tải phải hoàn thiện và cập nhật hồ sơ lên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, đơn vị kinh doanh vận tải không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp trên hệ thống dịch vụ công;
* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện rà soát và gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải với Sở đầu tuyến bên kia. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia có trách nhiệm trả lời bằng văn trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải về việc đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do). Trường hợp Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia không có văn bản trả lời thì hệ thống sẽ tự động chuyển sang trạng thái đã đồng ý;
* Sau khi có ý kiến xác nhận đồng ý của Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.
* Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của đơn vị kinh doanh vận tải trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.
* Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày đơn vị kinh doanh vận tải ngừng tham gia khai thác tuyến hoặc theo hiệu lực của quyết định đình chỉ khai thác tuyến của Sở Giao thông vận tải. Trước 10 ngày hết hạn, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải đến đơn vị kinh doanh vận tải về thời gian hết hạn của Thông báo đăng ký khai thác tuyến. Sau 60 ngày kể từ ngày có Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công, nếu đơn vị kinh doanh vận tải không thực

hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công không còn hiệu lực.

* + 1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tuyến.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;
* Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính văn bản trao đổi thống nhất giữa bến xe hai đầu tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến phải điều chỉnh, bổ sung).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

# 49.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

* 1. **Cơ quan thực hiện TTHC:**
     + Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
     + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.
  1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - Đăng ký khai thác tuyến.
    - Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - Căn cứ vào danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định, biểu đồ chạy xe theo tuyến đã công bố và cập nhật trên danh mục tuyến vận tải khách cố định của Bộ Giao thông vận tải, đơn vị kinh doanh vận tải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo loại hình tuyến cố định được quyền lựa chọn giờ xuất bến và thực hiện đăng ký khai thác tuyến theo quy định.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:**

............

Số: .............. /..............

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..........., ngày...... tháng...... năm.....*

**ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……………….

1. Tên Đơn vị KDVT:…………………………………………………
2. Địa chỉ:………………………………………………………………………………
3. Số điện thoại (Fax):………………………………………………………………….
4. Đăng ký..........(1)..................tuyến: Mã số tuyến: ……………………………………

Nơi đi:. Nơi đến: (2)

Bến xe đi:..................................... Bến xe đến: (3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: …….. giờ.... phút, vào các ngày........................................

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:…….giờ.... phút, vào các ngày......................................... Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:………………………………………………….. Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình chạy xe:...........................................................................................................

1. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

***Nơi nhận:***

* + Như trên;
  + Lưu .

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn ghi:**

1. Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
2. Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
3. Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên

hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT**......

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..........., ngày...... tháng...... năm.....*

**PHƯƠNG ÁN**

**KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

* 1. **Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:.......................................................................................................

Tên tuyến:..................................đi. và ngược lại.

Bến đi:...........................; Bến đến:......................................................................

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình:..........................................................................................................

* 1. **Biểu đồ chạy xe:**
     1. Số chuyến (nốt (tài)). trong ngày, tuần, tháng.
     2. Giờ xuất bến:

1. ***Chiều đi: xuất bến tại:***………………………………………………………
   * Nốt (tài) 1 xuất bến lúc ……. giờ.....phút, vào các ngày..................................
   * Nốt (tài) 2 xuất bến lúc ……. giờ.....phút, vào các ngày...................................
   * ……………………………………………………………………….……….
2. ***Chiều về: xuất bến tại:***………………………………………………………
   * Nốt (tài) 1 xuất bến lúc ……. giờ.... phút, vào các ngày..................................
   * Nốt (tài) 2 xuất bến lúc ……. giờ.....phút, vào các ngày..................................
   * ………………………………………………………………………………..
     1. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .....giờ. phút.
     2. Tốc độ lữ hành: km/h.
     3. Lịch trình chạy xe:
3. ***Chiều đi: xuất bến tại:***…………………………………………….……….

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……………………………………………..……..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian  đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:……………………………………………………..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian  đến | Thời gian  dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

1. ***Chiều về: xuất bến tại:***……………………………………………………..

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:…………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian  đến | Thời gian  dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………………………………………………..…..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian  đến | Thời gian  dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

* 1. **Đoàn phương tiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| T T | Nhãn hiệu xe | Năm sản xuất | Sức chứa | Tiêu chuẩn khí  thải | Số lượng (chiếc) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

* 1. **Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Nốt (tài) 1 |  |  |  |
| 2 | Nốt (tài) 2 |  |  |  |
|  | .... |  |  |  |

* 1. **Giá vé và cước hành lý:**
     1. Giá vé:
        1. Giá vé suốt tuyến: đồng/HK.
        2. Giá vé chặng (nếu có):
           + Chặng 1 (từ .....đến.......): đồng/HK.
           + Chặng 2 (từ.....đến .......): đồng/HK.
           + Chặng....................................................................................................
     2. Giá cước hành lý:
        1. Hành lý được miễn cước: kg.
        2. Hành lý vượt quá mức miễn cước: đ/kg.
     3. Hình thức bán vé
        1. Bán vé tại quầy ở bến xe:...............................................................................
        2. Bán vé tại đại lý:........................ (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).........
        3. Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang web).
  2. **Xe trung chuyển (nếu có):**
* Loại xe:…………….., sức chứa:…………, năm sản xuất……….………
* Số lượng xe:……………………………………………………….………
  1. **Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:**
     1. Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại (sao) của Tiêu chuẩn cơ sở về

chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

* + 1. Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:……………………….
    2. Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị: .......................................................

**ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**MẪU THÔNG BÁO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG**

**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**......

Số:............ /.............

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..........., ngày ...... tháng ...... năm .....*

**THÔNG BÁO**

**ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG**

Kính gửi:.....(*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*) ........

Căn cứ nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Sở Giao thông vận tải thông báo về việc đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định

thành công với các nội dung sau:

1. Tên Đơn vị KDVT:…………………….................................................
2. Địa chỉ:..........................................................................................................................
3. Số điện thoại (Fax):........................................................................................................
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:............ ngày......../...../......... do ……………(tên cơ quan cấp) cấp.

Được tham gia khai thác tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh (hoặc nội tỉnh) kể từ

ngày.... tháng.... năm.......

* + Tên tuyến: Nơi đi:................................. Nơi đến: và ngược lại (1).
  + Bến xe đi:................................. Bến xe đến:....................................................................
  + Mã số tuyến:...............................................................
  + Cự ly vận chuyển:................km; Hành trình chạy xe:.....................................................

Giờ xe xuất bến:

+ Tại bến xe đi:.…….. giờ…... phút, vào các ngày...........................................................

..........................................................................................................................................

+ Tại bến xe đến:…….giờ.........phút, vào các ngày...........................................................

.........................................................................................................................................

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông báo. (*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng*

*ký khai thác tuyến thành công*) có trách nhiệm đưa xe vào khai thác. Trường hợp

sau 60 ngày kể từ ngày thông báo, nếu (*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai*

*thác tuyến thành công*) .......không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo này không còn hiệu lực.

***Nơi nhận:***

* + Như trên;
  + Cục ĐBVN;
  + Sở GTVT...;
  + Các Bến xe...;
  + Lưu:….

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn ghi:** (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến

xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

# 5. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

**5.1. Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

1. Giải quyết TTHC:

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**5.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp.

# 5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo mẫu;
* Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# 5.4. Thời hạn giải quyết:

* + - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**5.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# 5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan phối hợp: Không có.

# 5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện

các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.

**5.8. Phí, lệ phí:** không có.

# 5.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

# 5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - Phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép liên vận ASEAN trong trường hợp bất khả kháng.

# 5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải..............

To: Department of Transport of. province

….

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name):……………………………………………….*
2. Địa chỉ: *(Address)………………………………………………………………………..*
3. Số điện thoại: *(Telephone number)* ………..……. Số Fax/Địa chỉ email: *(Fax number/Email address)…………………………………………..………………………………*
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt

Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of*

*… to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*

* + Biển số xe *(Registration number):…………………………………………………….*
  + Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number) …. ngày (the date of) ……(dd/mm/yyyy)
  + Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy)

1. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):……………………..………………

…………………………………………….………………….………………….. (Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of unability to

timely return to its Home country))

1. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ

ngày ……… đến ngày ……………..

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ………….. day(s), from …………. (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)

1. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*
2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

76

1. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam’s Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement).*

*..., ngày … tháng … năm.....*

*Place, (dd/mm/yyyy)*

**Người xin gia hạn (Applicant name)**

*Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*

*(Driver, vehicle owner or authorized person).*

# 6. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS

**6.1. Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

1. Giải quyết TTHC:

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**6.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp.

# 6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo mẫu;
* Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD (bản chính).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# 6.4. Thời hạn giải quyết:

* + - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**6.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# 6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan phối hợp: Không có.

# 6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS.

**6.8. Phí, lệ phí:** không có.

# 6.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

# 6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

78

* + - Phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD trong trường hợp bất khả kháng.

# 6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải..............

To: Department of Transport of. province

….

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name):…………………….*
2. Địa chỉ: *(Address)*...................................................................................
3. Số điện thoại: *(Telephone number)* ………..……. Số Fax/Địa chỉ email: *(Fax number/Email address)…………………………………………………………………*
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt

Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of*

*… to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*

* + Biển số xe *(Registration number):*.....................................................................
  + Giấy phép liên vận GMS số (GMS Road Transport Permit number) …. ngày (~~on~~ the date of) (dd/mm/yyyy).
  + Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit) (dd/mm/yyyy).

1. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):

……………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………. ……….

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of unability to timely return to its Home country))

1. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ

ngày ………đến ngày ……………..

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from

………….(dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)

1. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*
2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*
3. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam’s Laws as well as the provisions of GMS Agreement).*

*..., ngày … tháng … năm ...*

*Place, (dd/mm/yyyy)*

**Người xin gia hạn (Applicant name)**

*Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*

*(Driver, vehicle owner or authorized person).*

# 7. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia

**7.1. Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

1. Giải quyết TTHC:

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.
  1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo mẫu;
* Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
  1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - Giấy gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.
  1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - Phương tiện của Lào, Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng được gia hạn 01 lần với thời gian không quá 10 ngày.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**

**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.................

To: Department of Transport of.................

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):..............................................................
2. Địa chỉ (Address): ............................................................................................
3. Số điện thoại (Telephone number): …………số Fax (Fax number)................
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of) ……
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):….
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country)……………………….
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ

ngày ………đến ngày ……………..

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from

…………. until …………..

1. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
   1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).
   2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam’s Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross- border transport).

*…, ngày … tháng … năm …*

*Place,… (dd/mm/yyyy)* **Người xin gia hạn (Applicant Name)**

*(Ký, ghi rõ họ và tên) (Signature and full name)*

# Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc

* 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương nơi phương tiện đang lưu hành.

1. Giải quyết TTHC:

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

# Cách thức thực hiện:

* + - Nộp trực tiếp.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo mẫu;
* Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
  1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - Giấy gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.
  1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - Phương tiện của Trung Quốc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc nếu có lý do chính đáng được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence-Freedom-Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải..............

To: Department of Transport of. province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): ..................................................................
2. Địa chỉ (Address):.................................................................................................
3. Số điện thoại (Telephone number): …………………số Fax (Fax number)………
4. Địa chỉ Email (Email address):.............................................................................
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....):........ ngày (the date of) ….…
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):...............

..................................................................................................................................

1. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country)…
2. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ

ngày ………đến ngày ……………..

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from

…………. until …………..

1. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*
   1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*
   2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam’s Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport).*

*.., ngày … tháng… năm…*

*Place,… (dd/mm/yyyy)* **Người xin gia hạn** (Applicant Name)

*(Ký, ghi rõ họ và tên) (Signature and full name)*

# Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

* 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

1. Giải quyết TTHC:

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.
  1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;
* Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam (bản chính).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
  1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.
  1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - Phương tiện của Lào quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng thì được gia hạn 01 lần với thời gian không quá 10 ngày.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải..............

To: Department of Transport of...........

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):..............................................................
2. Địa chỉ (Address): ............................................................................................
3. Số điện thoại (Telephone number): ………………………………số Fax (Fax number) .........................................................................................................................
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos – Viet Nam vehicle cross- border transport permit No.): ......... ngày (the date of) ……………
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):….
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định)

(Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country)…

1. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian

…. ngày, từ ngày … đến ngày ……..

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from

…………. until ………..

1. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*
   1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*
   2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam’s Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport).*

*.., ngày … tháng … năm…*

*Place,… (dd/mm/yyyy)* **Người xin gia hạn (Applicant Name)**

*(Ký, ghi rõ họ và tên) (Signature and full name)*

# Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia

* 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

1. Giải quyết TTHC:

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Campuchia. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.
  1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo mẫu;
* Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
  1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
    - Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.
  1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - Phương tiện của Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng thì được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**

**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải..............

To: Department of Transport of…..........

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):............................................................
2. Địa chỉ (Address): ..........................................................................................
3. Số điện thoại (Telephone number): ….……số Fax (Fax number) ................
4. Địa chỉ Email (Email address): ......................................................................
5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia – Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ......... ngày (the date of) ………………
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit): ......
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định)

(Reason for extension: describe the reason of unability to timely return to its Home Country)….

1. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ……. ngày, từ

ngày ………đến ngày ……………..

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from

………. until …………..

1. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*
   1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*
   2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam’s Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport).…, ngày … tháng … năm … Place,… (dd/mm/yyyy)*

**Người xin gia hạn (Applicant Name)** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*(Signature and full name)*

**II. Thủ tục hành chính được thay thế**

**1. Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh**

**vận tải**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị.
* Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia.

1. Giải quyết TTHC:

* Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã đăng ký đề nghị cấp phù hiệu.
* Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải và cập nhật các phù hiệu đã cấp vào Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.
* Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải hoặc trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.
* Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và cập nhật kết quả cấp phép vào Cơ sơ dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải;
* Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

**1.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính.

# 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu theo mẫu;
* Chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# 1.4. Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

# 1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# 1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Phù hiệu.

**1.8. Phí, lệ phí:** không có.

# 1.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu.
      * Phù hiệu.

# 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ được cấp phù hiệu. Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, được cấp phù hiệu cho xe ô tô phù hợp với loại hình kinh doanh đã được cấp phép và đảm bảo các nguyên tắc sau:
      * Tại một thời điểm, mỗi xe chỉ được cấp và sử dụng một loại phù hiệu tương ứng với một loại hình kinh doanh vận tải;
      * Đơn vị kinh doanh vận tải kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến cấp phù hiệu xe ô tô trung chuyển;
      * Phù hiệu được cấp lại khi hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ

sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, khi bị thu hồi.

* + - * Trường hợp cấp lại phù hiệu khi hết hạn: đơn vị kinh doanh vận tải được đề nghị cấp lại phù hiệu trong khoảng thời gian 15 ngày tính đến ngày hết hạn phù hiệu.
      * Trường hợp cấp lại khi bị thu hồi: sau khi hết thời hạn bị thu hồi phù hiệu.

# 1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU**

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.............. /..............

*.........., ngày..... tháng..... năm.....*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị KDVT:.........................................................................................................
2. Địa chỉ:...........................................................................................................................
3. Số điện thoại (Fax):.......................................................................................................

Số lượng phù hiệu nộp lại:………………………………..………..…

Đề nghị được cấp: (1).............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn  hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải…) | (\*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |  |  |

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

(\*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

**Mẫu Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định**

**PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”**

**Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”**

**Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số

Mô tả được tạo tự động**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
   1. Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

* 1. Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

1. Phông chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM Helvetlns. Phông chữ các nội dung còn lại: Arial.

**Mẫu Phù hiệu xe ô tô để vận tải trung chuyển hành khách**

**PHÙ HIỆU “XE TRUNG CHUYỂN”**

**Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN”**

**Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, In ấn

Mô tả được tạo tự động**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỂN”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

+ Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

1. Phông chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: UTM Helvetlns. Phông chữ các nội dung còn lại: Arial.

**Mẫu Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

**PHÙ HIỆU “XE BUÝT”**

**Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”**

**Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số

Mô tả được tạo tự động**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

+ Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

1. Phông chữ “XE BUÝT”: UTM Helvetlns. Phông chữ các nội dung còn lại: Arial

**Mẫu Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi**

**PHÙ HIỆU “XE TAXI”**

**Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”**

**Ảnh có chứa văn bản, Phông chữ, ảnh chụp màn hình, số

Mô tả được tạo tự động**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

+ Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.

1. Phông chữ “XE TAXI”: UTM Helvetlns. Phông chữ các nội dung còn lại: Arial.

**\* Ghi chú:**

- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị

mình cấp.

**Mẫu Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng**

**PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”**

**Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”**

**Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số

Mô tả được tạo tự động**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
   1. Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.

+ Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.

* 1. Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.

1. Phông chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM Helvetlns. Phông chữ các nội dung còn lại:

Arial.

**Mẫu Phù hiệu xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải**

**Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”**

**Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số

Mô tả được tạo tự động**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

+ Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.

1. Phông chữ “XE TẢI”: UTM Helvetlns. Phông chữ các nội dung còn lại: Arial.

**Mẫu Phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ**

**PHÙ HIỆU “XE CHỞ KHÁCH”**

**Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CHỞ KHÁCH”**

**Ảnh có chứa văn bản, Phông chữ, ảnh chụp màn hình, số

Mô tả được tạo tự động**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CHỞ KHÁCH”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

+ Mã màu của chữ “XE CHỞ KHÁCH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

1. Phông chữ “XE CHỞ KHÁCH”: UTM Helvetlns. Phông chữ các nội dung còn lại:

Arial.

**Mẫu Phù hiệu kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ**

**PHÙ HIỆU “XE CHỞ HÀNG”**

**Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CHỞ HÀNG”**

**Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số

Mô tả được tạo tự động**

1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CHỞ HÀNG”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

+ Mã màu của chữ “XE CHỞ HÀNG”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

1. Phông chữ “XE CHỞ HÀNG”: UTM Helvetlns. Phông chữ các nội dung còn lại:

Arial.

# 2. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**2.1. Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

+ Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các loại phương tiện thương mại gồm: xe vận chuyển hành khách hợp đồng, xe vận tải hàng hóa.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

+ Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

1. Giải quyết TTHC:

* Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
* Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép

hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

**2.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# 2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

*\* Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho

phương tiện phi thương mại theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu; bản dịch Hợp đồng ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan Công chứng đối với trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài).

*\* Trường hợp cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia*

*bị hư hỏng, bị mất*

* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại theo mẫu.
* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại theo mẫu.

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# 2.4. Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# 2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# 2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**2.8. Phí, lệ phí:** không có.

# 2.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
      * Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;
      * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại.
      * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi

thương mại.

# 2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
      * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

# 2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH**

**VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:...................................................................
2. Địa chỉ: ......................................................................................................
3. Số điện thoại:………………………….Số Fax: .......................................
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép

vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:….Ngày cấp:……

1. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa

Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Biển số**  **xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn**  **hiệu** | **Số**  **khung** | **Số**  **máy** | **Màu**  **sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)** | **Cửa khẩu**  **xuất - nhập cảnh** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: □ b) Khách du lịch: □

c) Hành khách theo hợp đồng: □ d) Vận tải hàng hóa: □

***Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:***

Tuyến: ……………………đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe ………………………(thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ……………….(thuộc tỉnh: )

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:......................................................................................

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn

số ………… ngày … tháng … năm ...

*…, ngày … tháng … năm …* **Đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………..

1. Tên tổ chức/cá nhân: ................................................................................
2. Địa chỉ: ......................................................................................................
3. Số điện thoại:. ………………… Số Fax/Địa chỉ email:… ...............................
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:…………..……Ngày cấp:………………………
5. Đề nghị …………………….. cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn**  **hiệu** | **Số**  **khung** | **Số**  **máy** | **Màu**  **sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Cửa khẩu xuất - nhập cảnh** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: □ b) Cá nhân: □

1. Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: □
2. Mục đích khác: □

*…, ngày … tháng … năm …*

# Tổ chức/Cá nhân

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  Independence - Freedom - Happiness  **\*\*\***  **GIẤY PHÉP LIÊN VẬN**  **GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**  **PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**  **COMMERCIAL VEHICLE** | **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam**  **Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị**  **các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**  **The Ministry of Transport of Viet Nam**  **requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary**  Mặt sau bìa trước/Back side |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  Independence - Freedom - Happiness  **\*\*\***  **GIẤY PHÉP LIÊN VẬN**  **GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**  **VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**  Số giấy phép (Permit number)……………. Ngày cấp (Date of issuance): …………….........  Thời hạn (Period of validity): Từ (from)………đến  (until)… (dd/mm/yyyy)  **Cơ quan cấp (Issuling Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)**  **Page 1** | **Chi tiết về Đơn vị vận tải**  **Details of Transport Operator/Organization**   1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)…………………………………………….   Địa chỉ (Address): ……..…………………………  ……………………………………………………. Điện thoại (Telephone number): …………………. Số Fax (Fax number): …………………………….   1. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):……….. Địa chỉ (Address): ……………………………….. Tel: …………………….. Fax: ………………..…   **Thông tin cơ bản về phương tiện**  **General data of the vehicle**   1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):   …………………………………………………….   1. Thông số kỹ thuật (Specifications):    * Năm sản xuất:……………………………………   (Manufacture year)   * + Nhãn hiệu (Brand/ Trademark):   ………………………………………………….…   * + Loại xe (Model):………………………..……….   □Xe tải (Truck) □Xe khách (Bus) □Khác (Other)   * + Màu sơn (Colour): ………………..…………….   + Số máy (Engine number): ………………..…….   + Số khung (Chassis No.):……………………..…   **Page 2** |
| **GHI CHÚ NOTICES** | **GIA HẠN**  **EXTENTION** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động**  **Border gate, Operation areas/routes**  **Cửa khẩu (Border gate):** …………………….….  ……………………………………………….…….  ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  **Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):**  ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  **Vận tải hàng hóa/hành khách, tuyến không cố định/cố định**  **Cargo transport/passenger transport, non – scheduled/scheduled**  ………………………………………………….….  ……………………………………………………..  **Ghi chú khác (Others):**……………………….….  ………………………………………………….….  ………………………………………………….….  **Page 3** | | | | **Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)** | | | | |
| **Gia hạn đến**…………………………………….…. | | | | |
| **Extended until (dd/mm/yyyy)** | | | | |
| **Ngày cấp** ………………………………………….. | | | | |
| **Issuing date**……………………………………….. | | | | |
| **Cơ quan cấp (Issuing Authority) Ký tên, đóng dấu (Signature, Stamp)** | | | | |
| **Page 4** | | | | |
| **BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION** | | | | **BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION** | | | | |
| **HẢI QUAN** | | **BIÊN PHÒNG** | |  | **HẢI QUAN** | | **BIÊN PHÒNG** | |
| **(CUSTOMS)** | | **(BORDER GUARDS)** | | **(CUSTOMS)** | | **(BORDER GUARDS)** | |
| **Ngày xuất** | **Ngày** | **Ngày** | **Ngày nhập** | **Ngày** | **Ngày** | **Ngày** | **Ngày nhập** |
| **cảnh** | **nhập** | **xuất** | **cảnh** | **xuất** | **nhập** | **xuất** | **cảnh** |
| **Exit date** | **cảnh** | **cảnh** | **Re-entry** | **cảnh** | **cảnh** | **cảnh** | **Re-entry** |
|  | **Re-entry** | **Exit date** | **date** | **Exit** | **Re-entry** | **Exit date** | **date** |
|  | **date** |  |  | **date** | **date** |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Page 5** | | | | **Next Pages** | | | | |
| **Hướng dẫn (Instruction)**  1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. | | | | **Ghi chú (notices)**  Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm. | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.   1. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.   This book shall be presented to the competent authorities upon request.   1. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.   This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date. | Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho  phương tiện thương mại.  Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.  Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho  phương tiện phi thương mại.  Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles. |

**Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi**

**thương mại**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  Independence - Freedom - Happiness  **\*\*\***  **GIẤY PHÉP LIÊN VẬN**  **GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**  **VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**  **PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**  **NON COMMERCIAL VEHICLE**  Mặt bìa trước/ Cover | **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam**  **Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị**  **các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**  **The Ministry of Transport of Viet Nam**  **requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary**  Mặt sau/Back side |
| **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam**  **GIẤY PHÉP LIÊN VẬN**  **GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**  **VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT)**  Số giấy phép (Permit number)……………. Ngày cấp (Issuing date): …………….........  Thời hạn (Period of validity): Từ (from)………đến  (until)… (dd/mm/yyyy)  **Cơ quan cấp (Issuling Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)**  **Page 1** | **Chi tiết về tổ chức/cá nhân Details of Organization/Individual**   1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name)…………………………………..……..…   Địa chỉ (Address): ……..……………………….. Điện thoại (Telephone number): ……………….. Số Fax (Fax number): …………………………...   1. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):………. Địa chỉ (Address): …………………………..…... Tel: …………………….. Fax: ……………….…   **Thông tin cơ bản về phương tiện**  **General data of the vehicle**   1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):   …………………………………………………….   1. Thông số kỹ thuật (Specifications):…….………    * Năm sản xuất (Manufacture year):………..……..    * Nhãn hiệu (Brand/ Trademark): …………………    * Loại xe (Model):………………………………….   □Xe tải (Truck) □Xe khách (Bus) □Khác (Other)   * + Màu sơn (Colour): ……………………………….   + Số máy (Engine number): ……………………….   + Số khung (Chassis No.):…………………………   **Page 2** |
|  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GHI CHÚ NOTICES**  Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động  Border gate, Operation areas/routes | | | | | **GIA HẠN**  **EXTENTION**  **Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)**  **Gia hạn đến**……………………………………….  **Extended until (dd/mm/yyyy) Ngày cấp** ………………………………………….. **Issuing date**………………………………………..  **Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu)**  **(Signature, Stamp)**  **Page 4** | | | | |
| **Cửa khẩu (Border gate):** ………………..….…. | | | | |
| ……………………………………………………. | | | | |
| …………………………………………………….. | | | | |
| …………………………………………………….. | | | | |
| **Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):** | | | | |
| …………………………………………………….. | | | | |
| …………………………………………………….. | | | | |
| **Các ghi chú khác (other notices):**.......................... | | | | |
| ……………………………………………………. | | | | |
| …………………………………………………….. | | | | |
| …………………………………………………….. | | | | |
| **Page 3** | | | | |
| **BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS** | | | | | **BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GARDS** | | | | |
| **HẢI QUAN** | | **BIÊN PHÒNG** | |  |  | **HẢI QUAN** | | **BIÊN PHÒNG** | |
| **(CUSTOMS)** | | **(BORDER GUARDS)** | | **(CUSTOMS)** | | **(BORDER GUARDS)** | |
| **Ngày xuất** | **Ngày nhập** | **Ngày** | **Ngày nhập** | **Ngày** | **Ngày** | **Ngày xuất** | **Ngày nhập** |
| **cảnh** | **cảnh** | **xuất** | **cảnh** | **xuất** | **nhập** | **cảnh** | **cảnh** |
| **Exit date** | **Re-entry** | **cảnh** | **Re-entry** | **cảnh** | **cảnh** | **Exit date** | **Re-entry** |
|  | **date** | **Exit date** | **date** | **Exit date** | **Re-entry** |  | **date** |
|  |  |  |  |  | **date** |  |  |
|  |  |  |  |
| **Next Pages** | | | | |
| **Page 5** | | | | |

**Ghi chú (notices)** Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm.

Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho

phương tiện thương mại.

Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.

Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho

phương tiện phi thương mại.

Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.

**Hướng dẫn (Instruction)**

1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

1. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền

khi được yêu cầu.

This book shall be presented to the competent authorities upon request.

1. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn.

This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended before the expiry date.

**Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

No……………

**VIET NAM**

**CLV- CBT BOARD**

(Company): (Competent Authorities)

***Ghi chú:*** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.

**Ký hiệu phân biệt quốc gia**

****

***Ghi chú:*** Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-lip với trục chính nằm ngang.

# 3. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

**3.1. Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

+ Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các phương tiện thương mại.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

+ Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

1. Giải quyết TTHC:

* Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
* Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép

hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

**3.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# 3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

*\* Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- Đối với phương tiện thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao

hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

* Đối với phương tiện phi thương mại gồm:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hợp đồng thuê phương tiện;

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

*\* Trường hợp cấp lại khi bị hư hỏng, bị mất*

* Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu.

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# 3.4. Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# 3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam; Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# 3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

**3.8. Phí, lệ phí:** không có.

# 3.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho

phương tiện thương mại.

* + - * Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho

phương tiện phi thương mại.

* + - * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

# 3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia.
      * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

# 3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY ĐỀ NGHỊ

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: …………………..

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .......................................................
2. Địa chỉ: ............................................................................................
3. Số điện thoại: ……………………… Số Fax/Địa chỉ email: .........
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số

……………… ngày cấp …………………………….

1. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và

Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn**  **hiệu** | **Số**  **khung** | **Số**  **máy** | **Màu**  **sơn** | **Thời gian đề nghị cấp Giấy phép** | **Cửa khẩu xuất - nhập** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát…… thay

thế phương tiện có biển kiểm soát ……………

1. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:  b) Khách du lịch:

1. Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

***Ghi chú:*** Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: …………….. đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe ………………. (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ………………….. (thuộc tỉnh: Campuchia)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

……………………………………………………………………………….

Đã được …… thông báo khai thác tuyến tại công văn số ….. ngày ……

*…, ngày … tháng … năm …* **Đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: …………………….

* 1. Tên tổ chức/cá nhân: .......................................................................
  2. Địa chỉ: ............................................................................................
  3. Số điện thoại: ………………………. Số Fax/Địa chỉ email: .........
  4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ……………… ngày cấp: ……………….
  5. Đề nghị ……………………………………………….. cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn**  **hiệu** | **Số**  **khung** | **Số**  **máy** | **Màu**  **sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Cửa khẩu xuất - nhập** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*…, ngày … tháng … năm …*

**Tổ chức/Cá nhân**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

**VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of VietNam**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị**

**các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam**

**requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary**

Mặt sau bìa trước/Back side

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam Ministry of Transport of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS-BORDER**

**TRANSPORT PERMIT**

**Số Giấy phép (Permit Number):**

**Không cho người khác sử dụng và không được chuyển nhượng**

**(Non transferable and non negotiable)**

**Xe kinh doanh vận tải**

**Commercial Vehicle**

**Trang 1**

**Số đăng ký phương tiện (Registration number)**

**……………………….**

**Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign) VN**

**Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải**

**Details of Transport Operator**

**Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):**

**……………………………………………………………..**

**……………………………………………………………..**

**Địa chỉ (Address): ………………………………………..**

**……………………………………………………………..**

**Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):**

**……………………………………………………………….**

**……………………………………………………………….**

**………………………………………………………………..**

**Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No.): ……….**

**Ngày phát hành (Issuing date): …………….……………**

**Trang 2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Page 1** | | | | | | |
| **GHI CHÚ**  ***NOTICES***  **Giấy phép này có giá trị** **ngày**  **This Permit is valid… days**  **Từ ngày (From) (dd/mm/yyyy)**  **Đến ngày (until) (dd/mm/yyyy)**  **Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến**  **Border gate, Operation areas/routes, Destination**  **Cửa khẩu (Border gate):** ………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  **Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):** ……  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  **Nơi đến (Destination):** ……………………………….  ……………………………………………………………  **Ngày cấp (Date of issuance):** …………………………..  **Issuing Authority (Signature, stamp)**  **Trang 3** | | | | | |  |
|  | **Chuyến đi**  **(Trip)** | **Ngày vào (Date of entry)** | **Gia hạn đến (Extension until)**  **(nếu có/if any)** | **Ngày ra (Date of exit)** |  |  |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) |
|  | * Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) * Cửa khẩu vào (entry point):… * Cửa khẩu ra (exit point):…. * Tuyến đường   (Route):....  Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs seal |
|  | * Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) * Cửa khẩu vào (entry point):… * Cửa khẩu ra (exit point):…. * Tuyến đường   (Route):....  Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs seal | Dấu Hải quan Customs seal |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Page 2** | | | |  |
| **GHI CHÚ NOTICES**  **Giấy phép này được gia hạn**  **This Permit is extended**  **Đến ngày (until) (dd/mm/yyyy)**  **Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến**  **Border gate, Operation areas/routes, Destination**  **Cửa khẩu (Border gate):** ……………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  **Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):** ……  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  **Nơi đến (Destination):** ……………………………….  ……………………………………………………………  **Ngày cấp (Date of issuance):** …………………………..  **Issuing Authority (Signature, stamp)**  **Trang 4** | | | | | |
|  | **Chuyến đi**  **(Trip)** | **Ngày vào (Date of entry)** | **Gia hạn đến (Extension until)**  **(nếu có/if any)** | **Ngày ra (Date of exit)** |  |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) |  |
|  | - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) | Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs seal |  |
| - Cửa khẩu vào (entry point):… |
| - Cửa khẩu ra (exit point):…. |
| - Tuyến đường  (Route):.... |
| Dấu Hải quan Customs Seal |
|  | - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) | Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs seal | Dấu Hải quan Customs seal |  |
| - Cửa khẩu vào (entry point):… |
| - Cửa khẩu ra (exit point):…. |
| - Tuyến đường  (Route):.... |
| Dấu Hải quan Customs Seal |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Chuyến đi**  **(Trip)** | **Ngày vào (Date of entry)** | **Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)** | **Ngày ra (Date of exit)** |  |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) |  |
|  | - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |  |
| - Cửa khẩu vào (entry point):… |
| - Cửa khẩu ra (exit point):…. |
| - Tuyến đường  (Route):....  Dấu Biên phòng Border Guards Seal |
|  | - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |  |
| - Cửa khẩu vào (entry point):… |
| - Cửa khẩu ra (exit point):…. |
| - Tuyến đường  (Route):....  Dấu Biên phòng Border Guards Seal |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Chuyến đi**  **(Trip)** | **Ngày vào (Date of entry)** | **Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)** | **Ngày ra (Date of exit)** |  |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) |  |
|  | - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |  |
| - Cửa khẩu vào (entry point):… |
| - Cửa khẩu ra (exit point):…. |
| - Tuyến đường  (Route):....  Dấu Biên phòng  Border Guards Seal |
|  | - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |  |
| - Cửa khẩu vào (entry point):… |
| - Cửa khẩu ra (exit point):…. |
| - Tuyến đường  (Route):....  Dấu Biên phòng  Border Guards Seal |

**Hướng dẫn (Instruction)**

1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa. This permit contains 50 pages excluding the covers.
2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

1. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền

khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

1. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

**Ghi chú (Notices):** Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm Page size: 105 mm x 150 mm

Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải

Green cover used for truck

Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt Yellow cover used for bus

Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại

Pink cover used for non-commercial vehicle

**Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi**

**thương mại**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị**

**các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam Ministry of Transport of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER**

**TRANSPORT PERMIT**

**Phương tiện phi thương mại**

**Non - commercial vehicle**

**Thông tin cơ bản về phương tiện**

**General data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)

…………………….…………………………..

1. Thông số kỹ thuật (Specifications)

………………………………………………….

* + Năm sản xuất (Manufacture year):

…………………………..

* + Nhãn hiệu (Brand/Trademark):

…………………………………………………..

* + Loại xe (Model):

………………………………………………….

* + Màu sơn (Colour):

…………………………………………………..

* + Số máy (Engine No.):

………………………………………………….

* + Số khung (Chassis No.):

…………………………………………………

* + Trọng tải (Gross weight):

……………………………………………..…..

Trang 1

Page 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HẢI QUAN (CUSTOMS)** | | **BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)** | |
| **Ngày đi**  **Exit date** | **Ngày về Re-entry date** | **Ngày đi**  **Exit date** | **Ngày về Re-entry date** |
|  |  |  |  |

**Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận**

**Details of Organization granted transport permit**

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

…………………………………………………..

……………………………………………..……

Địa chỉ (Address):

……………………………………………….….

…………………………………………………..

Điện thoại (Telephone number): ………………..

Số Fax (Fax number): …………………………..

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip): ………

…………………………………………………...

……………………………………………………

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for Transport Operator):…………………………..

Ngày phát hành (Issuing date):………………………… Trang 2

Page 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GHI CHÚ NOTICES**  **Giấy phép này có giá trị ……… ngày This book is valid ……… days**  **Từ ngày (From) (dd/mm/yyyy)**  **Đến ngày (until) (dd/mm/yyyy)**  **Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến**  **Border gate, Operation areas/routes, Destination**  **Cửa khẩu (Border gate): ………………………………**  **……………………………………………………………**  **……………………………………………………………**  **Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):**  **……………………………………………………………**  **……………………………………………………………**  **……………………………………………………………**  **……………………………………………………………**  **Nơi đến (Destination): ……………………………….**  **……………………………………………………………**  **…………………………………………………………… Ngày cấp (Date of issue):** …………………………………..  **Cơ quan cấp phép Issuing Authority (Signature, stamp)** |  | **HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Trang 3  Page 3 | | | | | |  | Trang tiếp theo | | | | | |
| **HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS** | | | | | |  | **HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS** | | | | | |
|  | **HẢI QUAN (CUSTOMS)** | | **BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)** | |  |  | **HẢI QUAN (CUSTOMS)** | | **BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)** | |  |
| **Ngày đi**  **Exit date** | **Ngày về Re-entry date** | **Ngày đi**  **Exit date** | **Ngày về Re-entry date** | **Ngày đi**  **Exit date** | **Ngày về Re-entry date** | **Ngày đi**  **Exit date** | **Ngày về Re-entry date** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Hướng dẫn (Instruction)**

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa. This permit contains 10 pages excluding the covers.
2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

1. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

1. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry

date.

**Hướng dẫn (Instruction)**

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa. This permit contains 10 pages excluding the covers.
2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

1. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền

khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

1. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy.

This permit shall be used for the specified vehicle only.

**Ghi chú (Notices):** Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm Page size: 105 mm x 150 mm

Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại

Pink cover used for non-commercial vehicle

**Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia**

Số/Number: ……………

**PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA STICKER**

**VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:

………………………………………………………………

Số đăng ký/Registration Number:

…………………………………

Thời hạn/Period of Validity: từ/from……..…đến/until……… Cửa khẩu vào/Entry point: ……………………………….….. Cửa khẩu ra/Exit point: ……………………………….…….. Tuyến đường/Route:

……………………………………………………………….

Cơ quan cấp/Issuing authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Stamp)

***Ghi chú:*** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

**Ký hiệu phân biệt quốc gia**

****

***Ghi chú:*** Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

**4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác**

**tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**4.1. Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia đến Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1. Giải quyết TTHC:

* Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông vận tải. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
* Việc trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

**4.2. Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# 4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;
* Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);
* Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;
* Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính để đối chiếu).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# 4.4. Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
    1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
    1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách

cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

* + - * Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt

Nam, Lào và Campuchia.

* + - * Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành được đăng

ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.…/…. *…, ngày … tháng … năm …*

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……….

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: ........................................................................
2. Địa chỉ: ............................................................................................................
3. Số điện thoại:.........................………… số Fax: .............................................
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: …………………………Tỉnh/thành phố đến: ………

Bến đi:……………………….Bến đến: ..............................................................

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình chạy xe: ..............................................................................................

1. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Biển kiểm soát** | **Tên chủ sở hữu** | **Mác xe** | **Trọng tải** | **Năm sản xuất** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:
   1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;
   2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**

**CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

1. **Đặc điểm tuyến**

Tên tuyến: ……………………..đi và ngược lại.

Bến đi: ..................................................................................................................

Bến đến:................................................................................................................

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình: ..............................................................................................................

1. **Biểu đồ chạy xe**

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

* 1. Tại bến lượt đi: bến xe:……………………………………………………... Hàng ngày có… nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc… giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+ ……………………….

* 1. Tại bến lượt về: bến xe: ..................................................................................

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc… giờ.

+ ………………………

* 1. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.
  2. Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

1. **Các điểm dừng nghỉ trên đường**
   1. Lượt đi từ Bến xe:……………………đến Bến xe:………………………….

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

* Điểm dừng thứ nhất: ....................................................................................
* Điểm dừng thứ hai: ......................................................................................
* Điểm dừng thứ ba: .......................................................................................
  1. Lượt về từ Bến xe …………………………………đến Bến xe: ..............

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

* Điểm dừng thứ nhất: ....................................................................................
* Điểm dừng thứ hai: ......................................................................................
* Điểm dừng thứ ba: .......................................................................................
  1. Thời gian dừng, nghỉ từ …………đến… phút/điểm.

1. **Phương tiện bố trí trên tuyến**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (Ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn hiệu** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

1. **Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe**
   1. Số lượng:
   2. Điều kiện của lái xe:

* Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
* Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
* Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
* Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-………………………………………………………………………………..

-……………….………………………………………………………………..

* 1. Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-………………………………………………………………………………..

1. **Các dịch vụ khác**
   1. Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: ..............................................................
   2. Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:...................................................
2. **Giá vé**
   1. Giá vé:

* Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
* Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá vé** | **đồng/hành khách** |
| Trong đó:  - Giá vé (\*) | đồng/hành khách |
| - Chi phí các bữa ăn chính | đồng/hành khách |
| - Chi phí các bữa ăn phụ | đồng/hành khách |
| - Phục vụ khác: khăn, nước ... | đồng/hành khách |

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

* 1. Hình thức bán vé
* Bán vé tại quầy ở bến xe:……………………………………………………..
* Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý,

địa chỉ, điện thoại).

* Bán vé qua mạng: ……………………………………………………………

(địa chỉ trang web).

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH…

**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …/SGTVT-VT *……., ngày … tháng … năm …*

**THÔNG BÁO**

**KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**

**CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

**Tuyến: …………. đi** **và ngược lại**

**Giữa: Bến xe ………….. và Bến xe ………………..**

Kính gửi: ………………..

Sở Giao thông vận tải ….. nhận được công văn số ……. ngày ... tháng .... năm ... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố

định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Thực hiện Điều … Nghị định số …/2024/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy

định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Sở

Giao thông vận tải thông báo như sau:

Thông báo cho phép được khai thác tuyến vận tải hành khách cố

định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**Tên tuyến:** …………. đi và ngược lại

**Bến đi:** Bến xe (tên tỉnh đi).

**Bến đến:** Bến xe (tên tỉnh đến).

**Hành trình:** …………………………… cửa khẩu đi/cửa khẩu đến ..........

**Số xe tham gia khai thác:** ..........................................................................

**Thời hạn tham gia khai thác:** Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải đưa phương tiện vào triển khai thực hiện, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Giao thông vận tải …… Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

***Nơi nhận:***

* Như trên;

- …….

* Lưu:…

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

# Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

* + 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành

phố trực thuộc trung ương.

1. Giải quyết TTHC:

* Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông vận tải. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
* Việc trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.
  + 1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

* Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;
* Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
    1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.
    1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.
      * Phương án kinh doanh vận tải.
      * Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam đáp ứng quy định tại Điều 19 Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
      * Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào được cấp lại trong

trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH**

**VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: …………………………………..

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: ........................................................................
2. Địa chỉ: .............................................................................................................
3. Số điện thoại: ……………………….. Số Fax/Địa chỉ email:.........................
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ……….. Ngày cấp: …..…....
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô): ...............................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

* Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do

bị mất, nêu rõ lý do):

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

*…, ngày … tháng… năm…* **Đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: … /… *…, ngày ... tháng ... năm…*

**PHƯƠNG ÁN**

**KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

1. **TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**

* Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
* Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
* Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
* Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang

bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

1. **PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH**

**VẬN TẢI**

* 1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.
     1. Kinh doanh vận tải hành khách cố định.
* Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
* Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
* Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
* Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
* Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
* Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
* Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
  + 1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.
* Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
* Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
* Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
* Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
* Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
* Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
* Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
  1. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa
* Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải

hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).

* Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
* Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
* Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
* Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH……** PEOPLE’S COMMITTEE OF … PROVINCE **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** DEPARTMENT OF TRANSPORT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO VIET NAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Số Giấy phép (Permit Number): ......................................

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name): ……………………………….

…………………………………………………………………………………

1. Địa chỉ (Address):……………………………………………………..…….

………………………………………………………………………….………

1. Số điện thoại (Telephone number):…………………………………….……
2. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

……………………………………………………………………………….

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

*Place, (dd/mm/yyyy)*

**CƠ QUAN CẤP PHÉP**

**Issuing authority** (*Ký tên, đóng dấu) (Signature and stamp)*

# Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

* + 1. **Trình tự thực hiện:**

1. Nộp hồ sơ TTHC:

* Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương;

+ Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

1. Giải quyết TTHC:

* Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
* Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
* Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép

hoặc dịch vụ bưu chính theo quy định.

* + 1. **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

# Thành phần, số lượng hồ sơ:

1. Thành phần hồ sơ:

*\* Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- Đối với phương tiện thương mại gồm:

+ Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện

tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

* Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự

án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

+ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hợp đồng thuê phương tiện;

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào); bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính để đối chiếu bản dịch Hợp đồng ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan Công chứng đối với trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài.

*\* Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và bị hư hỏng, bị mất*

* Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu.

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

# Thời hạn giải quyết:

* + - * Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
    1. **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

# Cơ quan thực hiện TTHC:

* + - * Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

* + - * Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
      * Cơ quan phối hợp: Không có.

# Kết quả của việc thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.
    1. **Phí, lệ phí:** không có.

# Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

* + - * Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại.
      * Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào.
      * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

# Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* + - * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Lào và các quy định của Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.
      * Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

# Căn cứ pháp lý của TTHC:

* + - * Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho**

**phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH**

**VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA**

**VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: ….………………………………………….

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: ........................................................................
2. Địa chỉ: ............................................................................................................
3. Số điện thoại: ……………………… Số Fax/Địa chỉ email: ..........................
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số

………….….ngày cấp …….

1. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

cho các phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn**  **hiệu** | **Số**  **khung** | **Số**  **máy** | **Màu**  **sơn** | **Thời gian đề nghị cấp Giấy phép** | **Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)** | **Cửa khẩu xuất - nhập** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát…… thay thế phương tiện có biển kiểm soát ………………

1. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định b) Khách du lịch:

1. Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

***Ghi chú:*** Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ

sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: ……………… đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe …………………. (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ………………….. (thuộc tỉnh: Lào)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường: ………………………………………………………

Đã được ……… thông báo khai thác tuyến tại công văn số …….. ngày ……..

*…, ngày… tháng … năm…* **Đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:…………………………………..

* 1. Tên tổ chức/cá nhân: …………………………………………………...
  2. Địa chỉ: …………………………………………………………………
  3. Số điện thoại: ………………………. Số Fax/Địa chỉ email: ..................

1. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam

và Lào cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn**  **hiệu** | **Số**  **khung** | **Số**  **máy** | **Màu**  **sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)** | **Cửa khẩu xuất**  **- nhập** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ: b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh: d) Mục đích khác

*……, ngày …. tháng …… năm ……*

**Tổ chức/Cá nhân**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Independence - Freedom - Happiness

**\*\*\***

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

**VIET NAM - LAOS**

**VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Số Giấy phép (Permit Number):....................

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị**

**các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary**

Mặt sau bìa trước/Back side

Thông tin cơ bản về phương tiện

General data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)

……………………..…….……………….…….

1. Thông số kỹ thuật (Specifications)

……………………….……………….…………

* + Năm sản xuất (Manufacture year):

…………………………………………………..

* + Nhãn hiệu (Brand/Trademark):

……………………………….……….…………

* + Loại xe (Model):

………………………………………….….……

Xe tải

(truck)☐

Xe khách (Bus)☐

Xe khác (Others)☐

* Màu sơn (Colour):

………………………………………………..

* Số máy (Engine No.):

……………………………………………….

* Số khung (Chassis No.):

…………………………………………….…

* Trọng tải (Gross weight):

……………………………………………….

Trang 1

Chi tiết về cơ quan/đơn vị/cá nhân được cấp giấy phép liên vận

Details of Organization/ individual granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị/cá nhân (Organization/individual name):

…………………………………..…………..

…………………………………..…..………

Địa chỉ (Address):

………………………………………………. Điện thoại (Telephone number): ……………….. Số Fax (Fax number): ………………………

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):

………………………………………………

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam – Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator):

…………………….

Ngày phát hành (Issuing date):…………………..

Trang 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HẢI QUAN (CUSTOMS)** | | **BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)** | |
| **Ngày đi Exit date** | **Ngày về Re-entry date** | **Ngày đi Exit date** | **Ngày về Re-entry date** |
|  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GHI CHÚ NOTICES**  **Giấy phép này có giá trị**  **This permit is valid**  Từ ngày (From) ………(dd/mm/yyyy) Đến ngày (until) ………(dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến  Border gate, Operation areas/routes, Destination  Cửa khẩu (Border gate) ………………  Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):……………………………  Nơi đến (Destination): ………………… Ngày cấp (Issuing date): ……………..  Cơ quan cấp phép Issuing Authority (Signature, stamp)  Trang 3 | | | | | |
| **HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS** | | | | | |
|  | **HẢI QUAN (CUSTOMS)** | | **BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)** | |  |
|  | **Ngày đi**  **Exit date** | **Ngày về Re-entry date** | **Ngày đi**  **Exit date** | **Ngày về Re-entry date** |
|  |  |  |  |  |
|  | | | | | |
|  | | | | | |

|  |
| --- |
| **GIA HẠN**  **Extension**  Giấy phép này được gia hạn đến ngày .... tháng ... năm ....  This permit is extended until …….... (dd/mm/yyyy)  Ngày... tháng ... năm...  date....month....year....  Cơ quan gia hạn Extending Authority Ký tên, đóng dấu (Signature, stamp)  Ghi chú (Notices): ……………………..  Trang 4 |
| **HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS** |
|  |
|  |

**Hướng dẫn (Instruction)**

1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.

This permit contains 50 pages excluding the covers.

1. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

1. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ

quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

1. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

**Ghi chú (Notices):**

Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.

Page size 11 cm x 15 cm.

Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các

phương tiện.

Red cover used for all vehicles.

**Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào**

Số (Number):…………………..

**PHÙ HIỆU**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO STICKER**

**VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name) …………………………..………….... Số đăng ký (Registration Number):

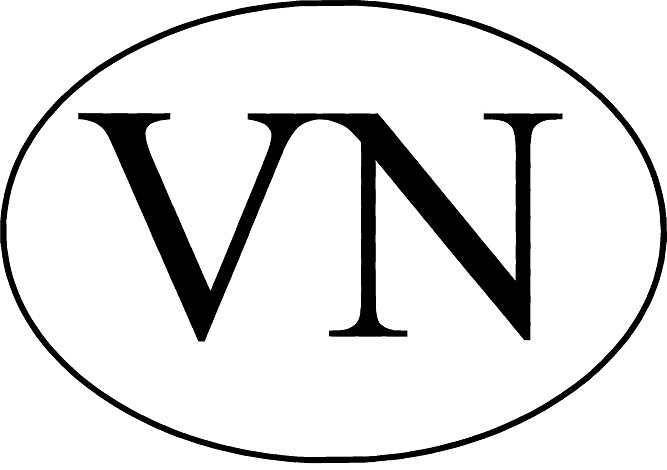
…………………………….……………….… Thời hạn (Period of validity): từ (from)..…………Đến (until)………….….….

Cơ quan cấp phép/Issuing Authority

*(Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)*

***Ghi chú:*** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.

**Ký hiệu phân biệt quốc gia**

****

***Ghi chú:*** Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.